TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST Ngày 08 - 6 - 2021 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà T và ông V	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Trần Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987 (có mặt);
Địa chỉ: ấp D, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đặng Thành V, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2021 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Đặng Thành V chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, bà và ông V không còn chung sống khoảng tháng 6 năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đặng Thành V. Bà T xác định: Nghề

nghiệp của bà là làm thuê, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông V có hai người con chung tên là Đặng Thị Kim N, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Đặng Trần Yến L, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2008, hiện tại do ông V đang nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông V được quyền trực tiếp nuôi con chung vì hai người con chung có nguyện vọng sinh sống cùng với ông V. Đồng thời, bà T xác định: Giữa bà và ông V có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2021, người con chung có tên là Đặng Thị Kim N xác định: Khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Đặng Thành V.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2021, người con chung có tên là Đặng Trần Yến L xác định: Khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Đặng Thành V.

Quá trình tố tụng, ông Đặng Thành V vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T và nơi cư trú của ông Đặng Thành V, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đặng Thành V đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông Đặng Thành V vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Đặng Thành V.

[3] Bà Trần Thị Thanh T và ông Đặng Thành V đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Đặng Thành V nhưng ông V vắng mặt. Việc ông V vắng mặt thể hiện ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Bà T xác định bà không còn tình cảm với ông V, bà T giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông V. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà T và ông V có hai người con chung có tên là Đặng Thị Kim N, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Đặng Trần Yến L, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2008, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho ông V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung là phù hợp vì các người con chung đang sống cùng với ông V nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Mặt khác, ông V cũng đã ký tên xác nhận vào bản tự khai của các người con chung, phù hợp với nguyện vọng của người con chung. Do đó, giao cho ông V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Đặng Thị Kim N, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Đặng Trần Yến L, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2008. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Đặng Thị Kim N và Đặng Trần Yến L; Vì lợi ích của các người con chung, bà T, ông V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà T, ông V có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà T xác định không có nợ chung và có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Đặng Thành V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T về việc xin ly hôn với ông Đặng Thành V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Đặng Thành V.

Về con chung: Ông Đặng Thành V được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Đặng Thị Kim N, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Đặng Trần Yến L, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2008, hiện ông V đang nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Đặng Thị Kim N, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Đặng Trần Yến L, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2008, ông V cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Trần Thị Thanh T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Đặng Thành V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Trần Thị Thanh T.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà T, ông V hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà T, ông V có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000941 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đặng Thành V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *THA DS huyện Châu Thành;*
- *Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn thư.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**